

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI**

★ S.D.K. ★

★ S.D.K. ★

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 35

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

**KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi cụ thể như sau:

- Thay đổi lần thứ hai ngày 02/11/2007 về việc thay đổi cổ đông sáng lập từ Công ty Chế Biến Thực Phẩm Số Một thành Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức;
- Thay đổi lần thứ ba ngày 09/01/2008 về việc thay đổi chức danh Tổng Giám đốc từ Bà Đỗ Thị Thu Hằng thành Bà Lương Minh Hiền;
- Thay đổi lần thứ tư ngày 18/5/2009 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh theo mã số doanh nghiệp: 3600890938;
- Thay đổi lần thứ năm ngày 10/11/2009 về việc thay đổi số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Thay đổi lần thứ sáu ngày 31/5/2010 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh;
- Thay đổi lần thứ bảy ngày 04/7/2011 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	1.000.000	10.000.000.000	20,00%
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai	500.000	5.000.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	250.000	2.500.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	250.000	2.500.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	150.000	1.500.000.000	3,00%
Công ty TNHH Dịch Vụ Quảng Cáo C.M.N	150.000	1.500.000.000	3,00%
Công ty TNHH Một thành viên Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty TNHH Tiên Triết	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	2,00%
Các cổ đông còn lại	2.200.000	22.000.000.000	44,00%
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

22B đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 22B đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3992946 Fax : (061) 8890199  
Email : sdv@sonadezi-sdv.com.vn Website : www.sonadezi-sdv.com.vn  
Mã số thuế : 3600890938

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 04 tháng 07 năm 2011 bao gồm: Xử lý các loại nước thải và chất thải (sinh hoạt, công nghiệp nguy hại và đô thị); Thu gom, phân loại, đóng gói và vận chuyển chất thải, rác thải; Dịch vụ tư vấn kỹ thuật về môi trường và tài nguyên; Tư vấn, mua bán, trồng và chăm sóc cây xanh, thảm cỏ; Kinh doanh nhà hàng.

#### **Công ty con**

Trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi có một (01) công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi.

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi được thành lập bởi Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty con này là 2.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của công ty con theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

Trụ sở chính của công ty con này đặt tại số 22B đường 3A, khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 35).

#### **CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

Trong năm, Công ty bắt đầu đưa vào khai thác dự án Khu xử lý chất thải Quang Trung tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với diện tích đất sử dụng khoảng 10,65 ha.

#### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Long Bôn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/05/2012
Bà Lương Minh Hiền	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI**

22B đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

Ông Nguyễn Chí Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/05/2012
Ông Trần Hòa Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2009
Ông Lê Anh Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012

**Ban kiểm soát**

Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Bà Nguyễn Thu Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Bà Nguyễn Mai An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012
Ông Cao Minh Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/05/2012

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Lương Minh Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2008
Ông Trần Quang Thòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/07/2007
Ông Nguyễn Duy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2010

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI**

22B đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



  
Lương Minh Hiền

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2013

15/ 3 0 0 1 0 0

Số : 037/2013/BCTC-FAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi và Công ty con

**Kính gửi :** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi ("Công ty") và Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013, từ trang 7 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Hoàng Lam - Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0701/KTV

**Nguyễn Xuân Dũng - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1494/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

CHÍNH SÁCH F. 11

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>94.772.680.275</b>	<b>49.143.488.958</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	4.981.691.249	36.728.100.265
1. Tiền	111		1.944.440.929	4.311.766.932
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.037.250.320	32.416.333.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.096.265.349	8.457.806.131
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	8.863.400.833	4.353.321.144
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	863.423.400	2.588.560.325
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 4	72.502.575.822	1.568.832.607
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 5	(133.134.706)	(52.907.945)
IV. Hàng tồn kho	140		7.249.140.320	2.905.704.462
1. Hàng tồn kho	141	IV. 6	7.249.140.320	2.905.704.462
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		445.583.357	1.051.878.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		307.823.285	385.220.814
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 7	137.760.072	666.657.286



Mẫu B 01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.381.600.792</b>	<b>72.287.901.110</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.344.504.034	40.605.847.122
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 8	39.383.789.820	32.418.547.533
Nguyên giá	222		50.645.401.760	39.653.177.284
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.261.611.940)	(7.234.629.751)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 9	38.831.496	50.039.372
Nguyên giá	228		92.663.000	92.663.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.831.504)	(42.623.628)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 10	2.921.882.718	8.137.260.217
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.137.250.000	30.137.250.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	IV. 11	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 12	30.137.250.000	30.137.250.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		899.846.758	1.544.803.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 13	899.846.758	1.544.803.988
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>168.154.281.067</b>	<b>121.431.390.068</b>

Mẫu B 01-DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		01/01/2012	
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>88.722.804.887</b>		<b>49.173.693.983</b>	
I. Nợ ngắn hạn	310		82.345.294.512		45.376.835.832	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 14	59.639.733.624		-	
2. Phải trả người bán	312	IV. 15	4.582.372.743		3.041.749.760	
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 16	8.319.087.978		23.848.687.148	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 17	470.432.309		319.675.377	
5. Phải trả người lao động	315		5.336.540.372		2.876.259.034	
6. Chi phí phải trả	316	IV. 18	777.960.591		10.826.037.342	
7. Phải trả nội bộ	317		-		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 19	647.202.771		1.391.319.448	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 20	2.571.964.124		3.073.107.723	
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-		-	
II. Nợ dài hạn	330		6.377.510.375		3.796.858.151	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-		-	
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 21	-		-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV. 22	-		111.132.136	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	IV. 23	3.514.870.600		1.655.209.444	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	IV. 24	2.862.639.775		2.030.516.571	
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>79.431.476.180</b>		<b>72.257.696.085</b>	
I. Vốn chủ sở hữu	410		79.431.476.180		72.257.696.085	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 25	50.000.000.000		50.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-		-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 25	10.545.992.052		9.985.745.745	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 25	2.151.715.708		2.097.143.708	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 25	16.733.768.420		10.174.806.632	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-		-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
1. Nguồn kinh phí	432		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-		-	
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>168.154.281.067</b>		<b>121.431.390.068</b>	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		258,47	6.675,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Đặng Hải Bằng  
Người lập biểu



Huỳnh Phú Hào  
Kế toán trưởng



Lương Minh Hiền  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	101.964.607.218	76.522.256.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	101.964.607.218	76.522.256.316
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	66.948.471.033	58.359.529.050
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.016.136.185	18.162.727.266
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	2.353.147.261	3.805.461.549
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	10.090.041.058	24.067.563
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.167.986.997	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 5	10.133.625.154	8.228.087.947
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.145.617.234	13.716.033.305
11. Thu nhập khác	31	V. 6	317.997.573	269.225.569
12. Chi phí khác	32	V. 7	1.439.878.916	375.323.107
13. Lợi nhuận khác	40		(1.121.881.343)	(106.097.538)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.023.735.891	13.609.935.767
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 8	857.642.145	1.121.949.913
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.166.093.746	12.487.985.854
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		15.166.093.746	12.487.985.854
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 9	3.033	2.498

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Đặng Hải Bằng  
Người lập biểu



Huỳnh Phú Hào  
Kế toán trưởng



Lương Minh Hiền  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.023.735.891	13.609.935.767
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 8.9	4.053.648.590	3.015.062.783
- Các khoản dự phòng	03		72.440.636	52.907.945
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		469.929	23.219.521
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.501.580.292)	(4.104.613.507)
- Chi phí lãi vay	06	V. 4	8.167.986.997	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.816.701.751	12.596.512.509
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(73.675.217.438)	(1.110.820.605)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.343.435.858)	1.816.835.896
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.782.506.253)	26.572.455.988
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		644.957.230	(292.660.314)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.893.676.402)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	IV. 17	(1.002.135.585)	(869.236.042)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		551.125.295	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(993.457.250)	(2.239.768.881)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(83.677.644.510)</b>	<b>36.473.318.551</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.031.613.869)	(12.032.436.496)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.364.848.168	4.104.620.351
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(666.765.701)</b>	<b>(7.927.816.145)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 14,21	90.127.839.928	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 14,21	(30.488.106.304)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.041.262.500)	(7.278.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>52.598.471.124</b>	<b>(7.278.300.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(31.745.939.087)</b>	<b>21.267.202.406</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>IV. 1</b>	<b>36.728.100.265</b>	<b>15.460.049.817</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(469.929)	848.042
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>IV. 1</b>	<b>4.981.691.249</b>	<b>36.728.100.265</b>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Đặng Hải Bằng  
Người lập biểu



Huỳnh Phú Hào  
Kế toán trưởng



Lương Minh Hiền  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi và Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi (gọi chung là Tập đoàn).

### I. THÔNG TIN VỀ TẬP ĐOÀN

#### 1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi cụ thể như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
Thay đổi cổ đông sáng lập từ Công ty Chế Biến Thực Phẩm Số Một thành Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	4703000382	02/11/2007
Thay đổi chức danh Tổng Giám đốc từ Bà Đỗ Thị Thu Hằng thành Bà Lương Minh Hiền	4703000382	09/01/2008
Thay đổi ngành nghề kinh doanh theo mã số doanh nghiệp	3600890938	18/05/2009
Thay đổi số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp	3600890938	10/11/2009
Bổ sung ngành nghề kinh doanh	3600890938	31/05/2010
Bổ sung ngành nghề kinh doanh	3600890938	04/07/2011

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 04 tháng 07 năm 2011 bao gồm: Xử lý các loại nước thải và chất thải (sinh hoạt, công nghiệp nguy hại và đô thị); Thu gom, phân loại, đóng gói và vận chuyển chất thải, rác thải; Dịch vụ tư vấn kỹ thuật về môi trường và tái nguyên; Tư vấn, mua bán, trồng và chăm sóc cây xanh, thảm cỏ; Kinh doanh nhà hàng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 22B đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 247 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 236 người).

#### 2. Công ty con được hợp nhất

Trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty có công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi với tỷ lệ sở hữu là 100% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi được thành lập bởi Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi, trụ sở chính tại số 22B đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3601635899 ngày 29 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty con này là 2.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của công ty con theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

#### 3. Các sự kiện quan trọng trong năm

Trong năm, Công ty bắt đầu đưa vào khai thác dự án Khu xử lý chất thải Quang Trung tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với diện tích đất sử dụng khoảng 10,65 ha.

#### 4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Tập đoàn trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Long Bôn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/05/2012
Bà Lương Minh Hiền	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Nguyễn Chí Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/05/2012
Ông Trần Hòa Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2009
Ông Lê Anh Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012

## II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giá định Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

### 2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là nhật ký chung.

### 4. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



#### 6. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") như trong các năm trước, Tập đoàn bắt đầu thực hiện Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý cá khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Trong năm 2011, Tập đoàn sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm ít ảnh hưởng chính đến các báo cáo tài chính vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**7. Khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04-20 năm
- Máy móc và thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	05-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	05-10 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05-08 năm

**8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**10. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

**11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần 24 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**12. Đầu tư dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

**13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 18. Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính niêm yết và không niêm yết.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

##### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất nếu và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Tập đoàn được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

#### IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tiền mặt tại quỹ	12.190.755	17.131.427
Tiền gửi ngân hàng	1.932.250.174	4.294.635.505
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	<u>3.037.250.320</u>	<u>32.416.333.333</u>
<b>Cộng</b>	<u><u>4.981.691.249</u></u>	<u><u>36.728.100.265</u></u>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai mệnh giá 2 tỷ đồng, phát hành từ ngày 03/12/2012 đến hạn ngày 03/01/2013 đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai.

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	3.015.717.384	100.316.814
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.857.224.972	1.572.280.937
Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 3	31.764.700	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	49.662.200	20.524.020
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp - XI nghiệp Dịch Vụ Khu Công Nghiệp Giang Điền	382.645.000	14.300.000
Công ty TNHH Tiên Triết	14.744.400	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	18.261.100	187.892.255
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	13.532.248	-
Các khách hàng khác	3.479.848.829	2.458.007.118
<b>Cộng</b>	<b><u>8.863.400.833</u></b>	<b><u>4.353.321.144</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	71.789.790	2.462.804.787
- Công ty TNHH Xuân Quý	71.789.790	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 2 Đồng Nai	-	1.963.927.256
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	92.000.000
- Các nhà cung cấp khác	-	406.877.531
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	791.633.610	125.755.538
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện	443.163.900	-
- Các nhà cung cấp khác	348.469.710	125.755.538
<b>Cộng</b>	<b><u>863.423.400</u></b>	<b><u>2.588.560.325</u></b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Phải thu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	37.767.281	32.870.207
Ứng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	72.360.721.718	1.200.000.000
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	37.960.909	37.960.909
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	14.540.000	14.540.000
Công ty TNHH Tiên Triết	5.445.000	5.445.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	25.221.315	36.922.222
Các khoản khác	20.919.599	241.094.269
<b>Cộng</b>	<b><u>72.502.575.822</u></b>	<b><u>1.568.832.607</u></b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Dự phòng cho các khoản nợ chưa quá hạn nhưng xác định khó đòi	51.253.806	-
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	28.972.955	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	52.907.945	52.907.945
<b>Cộng</b>	<b><u>133.134.706</u></b>	<b><u>52.907.945</u></b>

Mẫu B 09-DN/HN

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	808.588.854	577.296.198
Công cụ, dụng cụ trong kho	36.847.411	49.293.661
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.403.704.055	2.279.114.603
<b>Cộng</b>	<b>7.249.140.320</b>	<b>2.905.704.462</b>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	137.760.072	115.531.991
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	551.125.295
<b>Cộng</b>	<b>137.760.072</b>	<b>666.657.286</b>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2012	20.897.349.402	13.463.455.445	3.521.406.529	1.770.965.908	39.653.177.284
Đầu tư XD/CB hoàn thành	10.403.477.049	-	-	-	10.403.477.049
Mua sắm mới	-	933.182.810	165.996.611	356.593.500	1.455.772.921
Thanh lý, nhượng bán	(753.687.194)	(113.338.300)	-	-	(867.025.494)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>30.547.139.257</b>	<b>14.283.299.955</b>	<b>3.687.403.140</b>	<b>2.127.559.408</b>	<b>50.645.401.760</b>
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	56.894.400	447.245.238	-	1.088.230.838	1.592.370.476
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2012	2.839.740.909	2.293.417.322	786.537.001	1.314.934.519	7.234.629.751
Trích khấu hao	1.493.221.518	1.798.969.536	463.852.090	286.397.670	4.042.440.714
Thanh lý, nhượng bán	(9.217.609)	(6.240.916)	-	-	(15.458.525)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>4.323.744.818</b>	<b>4.086.145.942</b>	<b>1.250.389.091</b>	<b>1.601.332.089</b>	<b>11.261.611.940</b>
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2012	18.057.608.493	11.170.038.123	2.734.869.528	456.031.389	32.418.547.533
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>26.223.394.439</b>	<b>10.197.154.013</b>	<b>2.437.014.049</b>	<b>526.227.319</b>	<b>39.383.789.820</b>

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2012	92.663.000	42.623.628	50.039.372
Phát sinh tăng	-	11.207.876	-
Phát sinh giảm	-	-	-
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>92.663.000</b>	<b>53.831.504</b>	<b>38.831.496</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	45.670.563
Xây dựng cơ bản dở dang	2.921.882.718	8.091.589.654
- Khu xử lý chất thải Quang Trung, huyện Thống Nhất	2.921.882.718	8.091.589.654
<b>Cộng</b>	<b><u>2.921.882.718</u></b>	<b><u>8.137.260.217</u></b>

**11. Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi với tỷ lệ góp vốn 100%.

Công ty TNHH một thành viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3601635899 ngày 29 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty có trụ sở chính tại số 22B đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vốn điều lệ của Công ty là 2.000.000.000 VND.

**12. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>31/12/2012</u>		<u>01/01/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (mệnh giá 10.000 VND)	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (mệnh giá 10.000 VND)	804.290	20.137.250.000	804.290	20.137.250.000
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Công ty Cổ phần Xăng dầu Vĩnh Phú (chiếm 15% vốn điều lệ)		3.000.000.000		3.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>30.137.250.000</u></b>		<b><u>30.137.250.000</u></b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số dư tại 01/01	1.544.803.988	1.252.143.674
Phát sinh trong năm	7.103.115.118	5.380.345.620
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.760.677.904)	(1.214.606.473)
Kết chuyển khác	(5.987.394.444)	(3.873.078.833)
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b><u>899.846.758</u></b>	<b><u>1.544.803.988</u></b>



**14. Vay và nợ ngắn hạn**

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2012	Số tiền vay trong năm/ Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Đánh giá lại	Tại ngày 31/12/2012
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>25.627.839.928</b>	<b>6.488.106.304</b>	-	<b>19.139.733.624</b>
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai theo hạn mức (a)	-	12.627.839.928	6.488.106.304	-	6.139.733.624
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai từng lần (b)	-	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai từng lần (c)	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh V.21)</b>	-	<b>40.500.000.000</b>	-	-	<b>40.500.000.000</b>
<b>Cộng</b>	-	<b>66.127.839.928</b>	<b>6.488.106.304</b>	-	<b>59.639.733.624</b>

- (a) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay tối đa 3 tháng cho từng giấy nhận nợ, lãi suất cố định trong thời gian vay bằng 12,5%/năm. Cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (b) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam theo phương thức từng lần để thanh toán chi phí đền bù giải tỏa của dự án đầu tư khu xử lý chất thải Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất thả nổi và bằng lãi suất cơ sở + biên độ. Biên độ áp dụng hiện nay là 3,8%/năm và lãi suất cơ sở hiện nay 14%/năm. Cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (c) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam theo phương thức từng lần để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2012 đến ngày 03 tháng 01 năm 2013; lãi suất ghi trên sổ tiết kiệm + biên độ 2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng do Chi nhánh NH TMCP Công Thương Đồng Nai phát hành, mệnh giá 2 tỷ đồng, phát hành từ ngày 03/12/2012 đến hạn ngày 03/01/2013.

**15. Phải trả cho người bán**

	31/12/2012	01/01/2012
Phải trả cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty	1.231.197.060	9.953.455
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	350.444.101	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 2	241.619.006	-
- Các nhà thầu khác	639.133.953	9.953.455
Phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	3.351.175.683	3.031.796.305
- Công ty TNHH Vũ Hoàng	789.898.450	1.097.310.500
- Cửa hàng Ngọc Lan	305.877.920	256.408.983
- Các nhà cung cấp khác	2.255.399.313	1.678.076.822
<b>Cộng</b>	<b>4.582.372.743</b>	<b>3.041.749.760</b>

**16. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	8.168.272.038	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	3.310.553.886
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	37.500.000	341.090.000
Các khách hàng khác	113.315.940	197.043.262
<b>Cộng</b>	<b>8.319.087.978</b>	<b>23.848.687.148</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
Thuế GTGT hàng bán nội địa	87.736.204	1.108.900.148	923.541.644	273.094.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.498.173	903.784.213	1.002.135.585	22.146.801
Thuế thu nhập cá nhân	111.441.000	570.350.372	506.600.572	175.190.800
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	43.757.963	43.757.963	-
Các loại thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>319.675.377</b>	<b>2.631.292.696</b>	<b>2.480.535.764</b>	<b>470.432.309</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Hoạt động xử lý nước thải, chất thải và vận chuyển chất thải	Không chịu thuế
- Hoạt động xử lý chất thải đối với doanh nghiệp chế xuất	0%
- Cung cấp nước	5%
- Các hoạt động khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh III.16 và thuyết minh V.8.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

**18. Chi phí phải trả**

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí lãi vay ngân hàng	274.310.595	-
Chi phí xử lý bùn thải	-	10.702.639.498
Chi phí duy tu hạ tầng Khu công nghiệp	353.375.996	-
Các khoản chi phí khác	150.274.000	123.397.844
<b>Cộng</b>	<b>777.960.591</b>	<b>10.826.037.342</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Kinh phí công đoàn	21.839.200	18.769.200
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	34.110.470	8.266.800
Cổ tức chưa thanh toán	516.825.000	58.087.500
Phải trả khen thưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011	-	914.250.000
Các khoản khác	74.428.101	391.945.948
<b>Cộng</b>	<b><u>647.202.771</u></b>	<b><u>1.391.319.448</u></b>

**20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số dư tại 01/01	3.073.107.723	4.251.434.188
Trích từ lợi nhuận sau thuế	731.217.964	1.400.499.558
Chi khen thưởng, phúc lợi	(993.457.250)	(1.664.576.023)
Giảm quỹ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2012	(238.904.313)	-
Kết chuyển quỹ khen thưởng sang phải trả khác	-	(914.250.000)
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b><u>2.571.964.124</u></b>	<b><u>3.073.107.723</u></b>

**21. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số dư tại 01/01	-	-
Vay trong năm	64.500.000.000	-
Trả nợ vay trong năm	(24.000.000.000)	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(40.500.000.000)	-
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Khoản vay Quỹ Đầu Tư và Phát Triển Đồng Nai để chi trả chi phí bồi thường thu hồi đất Dự án Khu xử lý chất thải Quang Trung; Thời hạn cho vay 15 tháng; Lãi suất cho vay 12,6%/năm; Thực hiện hình thức tín chấp đối với khoản vay, tuy nhiên, để đảm bảo trả nợ đúng quy định, Quý yêu cầu Công ty phải có cam kết ưu tiên trả nợ cho quỹ khi được ngân sách hoàn vốn cho Công ty.

**22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số dư tại 01/01	111.132.136	115.008.011
Số trích trong năm	5.263.650	-
Số chi trong năm	(5.263.650)	-
Kết chuyển số dư vào thu nhập khác	(111.132.136)	(3.875.875)
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>111.132.136</u></b>

**23. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số dư tại 01/01	1.655.209.444	2.340.000
Nhận trước về tiền xử lý chất thải	12.175.596.573	8.082.111.471
Kết chuyển doanh thu trong năm	(10.315.935.417)	(6.429.242.027)
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b><u>3.514.870.600</u></b>	<b><u>1.655.209.444</u></b>

**24. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích 5% lợi nhuận trước thuế và được hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ. Chi tiết biến động quỹ trong năm như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư tại 01/01	2.030.516.571	1.335.477.746
Trích lập trong năm	832.123.204	695.038.825
Sử dụng quỹ trong năm	-	-
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b>2.862.639.775</b>	<b>2.030.516.571</b>

**25. Vốn chủ sở hữu**

*Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2011	50.000.000.000	6.848.153.243	1.509.435.559	10.312.620.987	68.670.209.789
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	12.487.985.854	12.487.985.854
Bổ sung quỹ từ ưu đãi thuế năm trước	-	1.021.843.166	-	(1.021.843.166)	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	2.115.749.336	587.708.149	(4.103.957.043)	(1.400.499.556)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>9.985.745.745</b>	<b>2.097.143.708</b>	<b>10.174.806.632</b>	<b>72.257.696.085</b>
Tại 01/01/2012	50.000.000.000	9.985.745.745	2.097.143.708	10.174.806.632	72.257.696.085
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	-	-	15.166.093.746	15.166.093.746
Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	505.674.307	-	(505.674.307)	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	54.572.000	54.572.000	(840.361.964)	(731.217.964)
Trích tiền chia cổ tức năm 2011	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tặng do giám Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	238.904.313	238.904.313
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>10.545.992.052</b>	<b>2.151.715.708</b>	<b>16.733.768.420</b>	<b>79.431.476.180</b>

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2012	01/01/2012
Cổ đồng		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đồng khác	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**Cổ tức**

- Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2010 bằng tiền với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền 7.500.000.000 đồng. Công ty đã trả hết số cổ tức năm 2010 cho các cổ đông trong năm 2011. Đồng thời đại hội cũng thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2011 ở mức 15%/ mệnh giá cổ phần.
- Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 08 tháng 5 năm 2012, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền 7.500.000.000 đồng. Công ty đã trả 7.024.500.000 đồng cổ tức năm 2011 cho các cổ đông trong năm 2012. Đồng thời đại hội cũng thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2012 ở mức 15%/ mệnh giá cổ phần.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012	Năm 2011
Tổng doanh thu	101.964.607.218	76.522.256.316
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>101.964.607.218</b>	<b>76.522.256.316</b>
Trong đó:		
- Doanh thu xử lý nước thải, chất thải khu công nghiệp	57.210.771.160	49.833.939.929
- Doanh thu xử lý chất thải khu Quang Trung	18.161.767.799	5.183.928.084
- Doanh thu hoạt động khác	26.592.068.259	21.504.388.303

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn xử lý nước thải, chất thải khu công nghiệp	32.240.927.669	34.935.255.395
Giá vốn xử lý chất thải khu Quang Trung	10.489.676.250	4.799.056.380
Giá vốn dịch vụ khác	24.217.867.114	18.625.217.275
<b>Cộng</b>	<b>66.948.471.033</b>	<b>58.359.529.050</b>

Mẫu B 09-DN/HN

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	804.669.347	1.984.435.951
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.548.477.914	1.820.177.556
Chênh lệch tỷ giá	-	848.042
<b>Cộng</b>	<b><u>2.353.147.261</u></b>	<b><u>3.805.461.549</u></b>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Chi phí lãi vay	8.167.986.997	-
Chiết khấu thanh toán	1.921.584.132	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	469.929	24.067.563
<b>Cộng</b>	<b><u>10.090.041.058</u></b>	<b><u>24.067.563</u></b>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Chi phí cho nhân viên	3.711.646.609	2.086.765.744
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	68.363.837	56.209.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.218.175.229	1.384.963.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.022.932	699.779.750
Chi phí khác bằng tiền	4.656.416.547	4.000.369.163
<b>Cộng</b>	<b><u>10.133.625.154</u></b>	<b><u>8.228.087.947</u></b>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Thu tiền điện, nước	39.497.280	253.835.031
Hoàn nhập chi phí lương không chi hết năm trước	77.674.034	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	103.346.011	-
Thu nhập vận hành, chạy thử	79.253.000	-
Các khoản thu nhập khác	18.227.248	15.390.538
<b>Cộng</b>	<b><u>317.997.573</u></b>	<b><u>269.225.569</u></b>

7. Chi phí khác

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	556.352.394	-
Thanh lý tài sản cố định	835.288.522	-
Các khoản chi phí khác	48.238.000	375.323.107
<b>Cộng</b>	<b><u>1.439.878.916</u></b>	<b><u>375.323.107</u></b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000295 ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Công Nghiệp Đồng Nai cấp, Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh các dịch vụ phục vụ khu công nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 25% trong các năm tiếp theo, được miễn thuế trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo. Hoạt động kinh doanh này có thu nhập chịu thuế từ năm 2007.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000225 ngày 06 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh xử lý nước thải, chất thải với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 25% trong các năm tiếp theo, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Hoạt động kinh doanh này có thu nhập chịu thuế từ năm 2007.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000270 ngày 22 tháng 7 năm 2010 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án Khu xử lý chất thải Quang Trung với thuế suất 10%.

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.023.735.891	13.609.935.767
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	796.952.394	525.000.000
Các khoản chi phí không được trừ	796.952.394	525.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.548.477.914)	(1.821.025.598)
Thu nhập không chịu thuế	(1.548.477.914)	(1.821.025.598)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>15.272.210.371</b>	<b>12.313.910.169</b>
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	3.818.052.593	3.078.477.543
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác mức thuế suất 25%	(2.183.822.303)	(1.450.853.323)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm trong kỳ tính thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	(776.588.145)	(505.674.307)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>857.642.145</b>	<b>1.121.949.913</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.166.093.746	12.487.985.854
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.166.093.746	12.487.985.854
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.033</b>	<b>2.498</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.605.283.137	11.117.314.736
Chi phí nhân công	21.141.103.179	15.309.085.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.240.240.770	3.007.751.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.237.050.105	6.878.467.882
Chi phí khác bằng tiền	38.908.857.020	30.274.997.477
<b>Cộng</b>	<b>84.132.534.211</b>	<b>66.587.616.997</b>

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Cổ đông lớn, sở hữu 20% vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai	Cổ đông lớn, sở hữu 10% vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Cổ đông lớn, sở hữu 5% vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	Cổ đông lớn, sở hữu 5% vốn chủ sở hữu
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
<b>Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp</b>		
Cung cấp dịch vụ	8.132.152.147	2.258.912.580
Thu tiền cung cấp dịch vụ	7.668.643.541	3.709.940.352
Chi trả cổ tức	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai</b>		
Chi trả cổ tức	750.000.000	750.000.000
<b>Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành</b>		
Cung cấp dịch vụ	21.197.539.086	18.750.176.524
Thu tiền sử dụng dịch vụ	9.552.548.852	38.452.284.269
Mua dịch vụ	-	147.284.865
Trả tiền dịch vụ	-	147.284.865
Chi trả cổ tức	375.000.000	375.000.000



Mẫu B 09-DN/HN

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
<b>Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2</b>		
Chi trả cổ tức	375.000.000	375.000.000
<b>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Tiền thù lao	240.600.000	150.000.000
Tiền thưởng	275.000.000	275.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
Tiền lương	1.457.190.173	1.383.344.000
Tiền thưởng	40.000.000	40.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	Năm 2012	Năm 2011
<b>Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp</b>		
- Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	297.332.248	14.300.000
<b>Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành</b>		
- Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	18.261.100	203.292.255
<b>Nợ phải thu</b>	<b>315.593.348</b>	<b>217.592.255</b>
<b>Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp</b>		
- Nhận trước tiền cung cấp dịch vụ	37.500.000	341.090.000
<b>Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành</b>		
- Nhận trước tiền cung cấp dịch vụ	8.168.272.038	20.000.000.000
<b>Nợ phải trả</b>	<b>8.205.772.038</b>	<b>20.341.090.000</b>

## 2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, các khoản vay ngân hàng. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trong yếu tố phát sinh từ các công cụ tài chính của Tập đoàn là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

12/2012

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Tập đoàn dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro ngoại hối**

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Tập đoàn sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Tập đoàn.

#### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tập đoàn dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Tập đoàn duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tập đoàn cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	3.041.749.760	-	-	3.041.749.760
Chi phí phải trả	10.826.037.342	-	-	10.826.037.342
Các khoản phải trả khác	1.391.319.448	-	-	1.391.319.448
	<b>15.259.106.550</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.259.106.550</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Các khoản vay và nợ	59.639.733.624	-	-	59.639.733.624
Phải trả người bán	4.582.372.743	-	-	4.582.372.743
Chi phí phải trả	777.960.591	-	-	777.960.591
Các khoản phải trả khác	647.202.771	-	-	647.202.771
	<b>65.647.269.729</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>65.647.269.729</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Tập đoàn có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

### 3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)			
	31/12/2012		01/01/2012		31/12/2012		01/01/2012	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.981.691.249	-	36.728.100.255	-	4.981.691.249	-	36.728.100.255	-
Phải thu khách hàng	8.863.400.833	(104.161.751)	4.353.321.144	(52.907.945)	8.759.239.082	(104.161.751)	4.300.413.199	(52.907.945)
Phải thu khác	72.502.575.822	(28.972.955)	1.568.832.607	-	72.473.602.867	(28.972.955)	1.568.832.607	-
Tài sản tài chính dài hạn	30.137.250.000	-	30.137.250.000	-	30.137.250.000	-	30.137.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>116.484.917.904</b>	<b>(133.134.706)</b>	<b>72.787.504.016</b>	<b>(52.907.945)</b>	<b>116.351.783.198</b>	<b>(133.134.706)</b>	<b>72.734.596.071</b>	<b>(52.907.945)</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	31/12/2012		01/01/2012		31/12/2012		01/01/2012	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
Các khoản vay và nợ	59.639.733.624	-	-	-	59.639.733.624	-	-	-
Phải trả người bán	4.582.372.743	-	3.041.749.760	-	4.582.372.743	-	3.041.749.760	-
Chi phí phải trả	777.960.591	-	10.826.037.342	-	777.960.591	-	10.826.037.342	-
Các khoản phải trả khác	23.252.305.620	-	34.986.231.504	-	23.252.305.620	-	34.986.231.504	-
<b>Cộng</b>	<b>88.252.372.578</b>	<b>-</b>	<b>48.854.018.606</b>	<b>-</b>	<b>88.252.372.578</b>	<b>-</b>	<b>48.854.018.606</b>	<b>-</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31/12/2012, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Đặng Hải Bằng  
Người lập biểu



Huỳnh Phú Hào  
Kế toán trưởng



Lương Minh Hiền  
Tổng Giám đốc

